

Số: 2151/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2009

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: <i>2151</i>
Ngày: <i>17</i> tháng <i>12</i> năm <i>09</i>
Kính chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003 và Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi và ranh giới nghiên cứu:

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La gồm 6 xã ven biển thuộc huyện Quảng Trạch là: Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Tùng, Cảnh Dương, Quảng Hưng và Quảng Xuân với diện tích khoảng 10.000 ha, trong đó diện tích đảo và biển là 1.100 ha.

b) Ranh giới địa lý xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh;
- Phía Nam giáp xã Quảng Thọ, huyện Quảng Trạch;
- Phía Tây giáp các xã Quảng Kim, Quảng Châu, Quảng Tiến, Quảng Lưu, Quảng Phương và xã Quảng Long, huyện Quảng Trạch;
- Phía Đông giáp biển Đông.

Ranh giới cụ thể sẽ được xác định trong nội dung đề xuất của đồ án quy hoạch.

2. Tính chất:

- Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: công nghiệp - cảng biển - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp.

- Là một trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng bình, có các điều kiện về hạ tầng đô thị hiện đại, đồng bộ; có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và làm động lực phát triển cho các vùng khác.

3. Quy mô dân số và đất đai:

a) Quy mô dân số:

+ Hiện trạng năm 2007: dân số toàn vùng 42.000 người

+ Dự báo đến năm 2015: dân số Khu kinh tế đạt khoảng 51.000 người.

+ Dự báo đến năm 2020: dân số Khu kinh tế đạt khoảng 67.000 người.

b) Diện tích tự nhiên của Khu kinh tế khoảng 10.000 ha, trong đó diện tích đất xây dựng các khu chức năng như: cảng, công nghiệp, đô thị, đất ở nông thôn, du lịch, đầu mối hạ tầng khoảng 3.200 ha.

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính:

Căn cứ vào quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm ban hành về quy hoạch xây dựng, khả năng quỹ đất cho phép, điều kiện tự nhiên, môi trường, một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mang tính đặc thù và nhu cầu đầu tư; nghiên cứu, áp dụng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện, tính chất của đô thị loại IV trong tương lai.

5. Các yêu cầu về phân khu chức năng và tổ chức không gian đô thị

a) Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng:

- Nghiên cứu đề xuất các định hướng phát triển không gian Khu kinh tế trên cơ sở cấu trúc phân khu chức năng gắn liền với khung giao thông chính và các điều kiện gắn kết với các không gian đô thị và không gian kinh tế lân cận. Không gian phát triển của Khu kinh tế cần được tổ chức theo các vùng chức năng kết hợp với việc tổ chức các trục không gian lớn gắn kết trong một hệ thống hữu cơ phát triển ổn định lâu dài.

- Các điểm dân cư nông thôn cần được bố trí gắn liền với các khu vực canh tác nông nghiệp hoặc nuôi trồng đánh bắt thủy sản, có hạ tầng xã hội và kỹ thuật phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng do thiên tai. Tham khảo và kết hợp với Dự án tổng thể thí điểm phát triển bền vững kinh tế xã hội, giảm nghèo vùng bãi ngang và cồn bãi tỉnh Quảng Bình để có giải pháp phù hợp cho việc bố trí các khu tái định cư và dân cư nông thôn.

b) Tổ chức không gian kiến trúc:

Xác định các vùng kiến trúc cảnh quan chính trong Khu kinh tế, đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ, vùng giáp ranh, các trục không gian chính, quảng trường, các không gian cây xanh mặt nước... Thiết kế minh họa kiến trúc cảnh quan điển hình, xây dựng quy chế kiểm soát phát triển cho các khu vực đặc trưng.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định mạng lưới giao thông của Khu kinh tế bảo đảm mối liên hệ giữa các khu chức năng và kết nối với các công trình giao thông vùng và quốc gia. Từng bước hoàn chỉnh và khớp nối đồng bộ hệ thống giao thông của các khu vực dân cư nông thôn với mạng lưới giao thông chung của Khu kinh tế.

- Đánh giá tổng hợp đất để khoanh vùng các khu vực thuận lợi cho xây dựng và vùng cấm xây dựng. Xác định cao độ nền khống chế của từng lưu vực, đề xuất các giải pháp về thoát nước mưa, các giải pháp chống ngập úng sạt lở... Riêng đối với khu vực dân cư hiện hữu cần xác định cụ thể các khu vực có cao độ nền chưa hợp lý để có giải pháp khắc phục, nâng cao điều kiện sống cho dân cư.

- Dự báo nhu cầu dùng nước, xác định nguồn và tiêu chuẩn cấp nước. Đề xuất các giải pháp thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối. Xây dựng các biện pháp bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

- Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế, dự báo nhu cầu sử dụng điện, lựa chọn nguồn và các giải pháp cấp điện cũng như dịch vụ thông tin liên lạc cho toàn bộ Khu kinh tế. Nêu các giải pháp chính cho hệ thống chiếu sáng mạng lưới đường giao thông trong Khu kinh tế.

- Xác định nhu cầu thu gom và xử lý nước thải và chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp thu gom và xử lý nước thải và vệ sinh môi trường phù hợp với đặc điểm của vùng quy hoạch, xác định vị trí các công trình đầu mối xử lý nước thải và chất thải rắn.

- Triển khai đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch, các dự án, kế hoạch phát triển trong Khu kinh tế theo quy định của Luật bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi phát triển, bảo đảm giữ gìn môi trường, sinh thái và cảnh quan khu vực, phát triển ổn định, bền vững.

7. Xác định các chương trình dự án ưu tiên đầu tư:

Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với dự báo nguồn lực; đề xuất các cơ chế, chính sách quản lý thực hiện quy hoạch.

8. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số

08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

9. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý dự án quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Bình;
- Cơ quan thẩm định và trình duyệt: Bộ Xây dựng;
- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Thời gian lập quy hoạch: 12 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có trách nhiệm bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế; phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Tài chính, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, ĐP;
- Lưu: VT, KTN (3b) Nghĩa (37)

Hoàng Trung Hải